

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Q có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 26/4/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q trình bày:

Ông và vợ là bà Lê Thị Ngọc L đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/9/2006. Chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Ông và bà L đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại ông không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này do ông đã hết tình cảm với bà L. Do đó ông yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 22/10/2004 đã thành niên có khả năng tự lao động và Nguyễn Quang T, sinh ngày 29/6/2006. Ông đồng ý để bà L nuôi cháu T, ông không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không tranh chấp. Về nợ chung: không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 22/6/2023 bị đơn bà Lê Thị Ngọc L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Q về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây ông Q

thường xuyên vắng nhà do có tình cảm với người phụ nữ khác. Nay ông Q yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý vì bà không muốn các con khổ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q thì bà không có ý kiến gì.

Về con chung: Giữa bà và ông Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 22/10/2004 đã thành niên có khả năng tự lao động và Nguyễn Quang T, sinh ngày 29/6/2006. Bà yêu cầu được nuôi cháu T, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không tranh chấp. Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quang Q. Ông Q được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc L. Giao con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 29/6/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không tranh chấp. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q và bà L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Q và bà L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/9/2006. Ông Q cho rằng cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2015 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đối với bà L thì cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc. Thời gian gần đây ông Q có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến các con. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 22/6/2023, Tòa án đã tổ chức hòa giải mục đích là để ông Q và bà L đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng phía bà L mặc dù trình bày là không muốn ly hôn nhưng trong lúc đang hòa giải thì bà L đã tự ý bỏ ra về. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vẫn vắng mặt. Qua đó, thể hiện bà L không có thiện chí và không mong muốn được đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông Q. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình: *“Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”*. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”*. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa ông Q và bà L đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà L đã đến

mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q.

[3] Về con chung: Giữa ông Q và bà L có 02 con là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 22/10/2004 đã thành niên có khả năng tự lao động và Nguyễn Quang T, sinh ngày 29/6/2006, hiện đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng. Ông Q cũng đồng ý để bà L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, ông không cấp dưỡng. Đồng thời, qua hỏi ý kiến của cháu T thì cháu có nguyện vọng được sống chung với bà L. Xét thấy hiện tại bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con nên cần giao cháu T cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Xét thấy, bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà L nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: ông Q và bà L trình bày không tranh chấp. Về nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quang Q. Ông Nguyễn Quang Q được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 29/6/2006 cho bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: ông Q và bà L không tranh chấp, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005943 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ông Q đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã C,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm

